

KẾ HOẠCH
**Kiểm tra, rà soát hoạt động bến, bãi ven sông, kênh,
trục nội đồng trên địa bàn phường Kiến An**

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/7/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác quản lý hoạt động bến, bãi ven sông, kênh, trục nội đồng trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 311/KH-UBND ngày 13/8/2026 của UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU; Công văn số 941-CV/ĐU ngày 16/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường Kiến An; Công văn số 219-CV/ĐU ngày 17/7/2026 của Đảng ủy UBND phường về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU; Công văn số 8870/SNNMT-CCTNNPCTT ngày 20/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 10-NQ/TU.

UBND phường Kiến An xây dựng Kế hoạch kiểm tra, rà soát hoạt động bến, bãi ven sông, kênh, trục nội đồng trên địa bàn phường như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát, thống kê đầy đủ hiện trạng các bến, bãi ven sông, kênh, trục nội đồng đang hoạt động, đang sử dụng, tạm dừng hoạt động hoặc có dấu hiệu hình thành trên địa bàn; xác định vị trí, diện tích, chủ thể quản lý, mục đích sử dụng đất, loại hình và hiện trạng hoạt động.

- Kiểm tra, đối chiếu việc chấp hành các quy định pháp luật có liên quan về đất đai, xây dựng, giao thông đường thủy nội địa, đê điều, thủy lợi, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, hoạt động sản xuất - kinh doanh và các quy định chuyên ngành khác.

- Thiết lập hồ sơ quản lý đối với từng bến, bãi; xác định rõ hồ sơ pháp lý, quá trình hình thành, tồn tại, vướng mắc và dấu hiệu vi phạm (nếu có), làm cơ sở phân loại và đề xuất phương án quản lý, xử lý phù hợp.

- Kịp thời phát hiện, ngăn chặn việc phát sinh mới các bến, bãi trái quy định; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát, kiểm tra phải khách quan, toàn diện, đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; bảo đảm không bỏ sót các trường hợp thuộc phạm vi rà soát.

- Kết quả phải phản ánh đúng hiện trạng, có hồ sơ, hình ảnh, vị trí cụ thể; xác định rõ tổ chức, cá nhân có liên quan và nguồn tài liệu dùng để đối chiếu.

- Thực hiện theo trình tự: rà soát tổng thể - kiểm tra hiện trạng - thu thập hồ sơ - đối chiếu pháp lý - xác định tồn tại, dấu hiệu vi phạm - phân loại - đề xuất phương án - xử lý theo thẩm quyền.

- Không kết luận vi phạm chỉ trên cơ sở hiện trạng hoặc việc tổ chức, cá nhân chưa xuất trình được hồ sơ ngay tại thời điểm kiểm tra; trường hợp có dấu hiệu vi phạm phải tiếp tục xác minh, củng cố hồ sơ và xử lý đúng trình tự, thẩm quyền.

- Không hợp thức hóa hành vi vi phạm; đồng thời bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và hướng dẫn hoàn thiện thủ tục đối với trường hợp pháp luật cho phép, phù hợp quy hoạch và đủ điều kiện.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG RÀ SOÁT

1. Phạm vi

Toàn bộ khu vực ven sông, kênh, trục nội đồng, khu vực có mặt nước, bãi tập kết, trung chuyển hàng hóa, vật liệu và các khu vực có hoạt động liên quan đến bến, bãi trên địa bàn phường Kiến An.

2. Đối tượng

- Các bến thủy nội địa, bến tạm, bến tự phát, điểm lên xuống hàng hóa, vật liệu ven sông, kênh, trục nội đồng.

- Các bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng, đất, cát, đá, hàng hóa và các loại vật liệu khác.

- Các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng đất hoặc tổ chức hoạt động tại khu vực bến, bãi.

- Các khu vực đã từng hoạt động bến, bãi nhưng hiện tạm dừng hoặc có dấu hiệu hoạt động trở lại.

- Các trường hợp có dấu hiệu tự ý san lấp, cải tạo mặt bằng, xây dựng công trình, mở đường xuống sông, kênh, trục nội đồng để phục vụ hoạt động bến, bãi.

Việc đưa một vị trí vào danh sách rà soát không đồng nghĩa xác định vị trí đó là bến, bãi trái phép hoặc thuộc một chế độ pháp lý cụ thể; việc xác định loại hình và quy định pháp luật áp dụng được thực hiện sau khi kiểm tra, đối chiếu hồ sơ.

III. NỘI DUNG KIỂM TRA, RÀ SOÁT

1. Rà soát, xác định vị trí và hiện trạng

- Xác định vị trí, địa chỉ, tổ dân phố, tuyến sông, kênh hoặc trục nội đồng liên quan;
- Xác định diện tích khu đất, diện tích mặt bằng thực tế sử dụng; hiện trạng và mục đích sử dụng đất.
- Ghi nhận đường ra vào, khu vực tập kết, cầu bến, kè, bãi chứa, nhà kho, công trình phụ trợ, phương tiện, máy móc, thiết bị.
- Ghi nhận loại hình hàng hóa, vật liệu tập kết, bốc xếp, trung chuyển; tần suất hoạt động và phương tiện ra, vào.
- Chụp ảnh, lập Phiếu rà soát và hồ sơ hiện trạng đối với từng trường hợp.

2. Kiểm tra, thu thập hồ sơ pháp lý

Đối chiếu, rà soát các hồ sơ, giấy tờ liên quan, gồm:

- Hồ sơ về quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất, mục đích sử dụng đất; hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước và các biến động có liên quan.
- Hồ sơ, văn bản liên quan đến hoạt động bến thủy nội địa, đường thủy nội địa nếu thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục.
- Hồ sơ về xây dựng, san lấp, kè, cầu bến và công trình phục vụ hoạt động bến, bãi.
- Hồ sơ về bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy; hoạt động sản xuất, kinh doanh và nghĩa vụ tài chính có liên quan.
- Hồ sơ về đề điều, thủy lợi, phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn và các văn bản chấp thuận chuyên ngành khác.

3. Kiểm tra việc chấp hành trong quá trình hoạt động

- Vị trí, mục đích, phạm vi sử dụng đất và phạm vi hoạt động so với hồ sơ được cơ quan có thẩm quyền xác lập hoặc chấp thuận.
- Việc tập kết, trung chuyển hàng hóa, vật liệu; việc san lấp, xây dựng kè, cầu bến, công trình phụ trợ và mở đường xuống sông, kênh.
- Việc bảo đảm an toàn đề điều, thủy lợi, thoát lũ, dòng chảy, giao thông đường thủy và giao thông đường bộ.
- Việc chấp hành các yêu cầu về môi trường, bụi, tiếng ồn, nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; an toàn cho người lao động và khu dân cư.
- Việc chấp hành các quyết định, thông báo, yêu cầu trước đây của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Việc chấp hành các quy định về việc kinh doanh, khai thác, tập kết VLXD (cát, đá, sỏi), các tài liệu có liên quan đến nguồn gốc.

4. Rà soát, xác minh các trường hợp có dấu hiệu vi phạm

- Tự ý hình thành bến, bãi hoặc tổ chức hoạt động khi chưa đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Sử dụng đất không đúng mục đích; lấn, chiếm đất công, đất ven sông, phạm vi bảo vệ đê điều, thủy lợi hoặc công trình khác.

- Tự ý san lấp, xây dựng kè, cầu bến, công trình, đường xuống sông, kênh.

- Tập kết hàng hóa, vật liệu gây cản trở dòng chảy, thoát lũ, ảnh hưởng công trình đê điều, thủy lợi, giao thông hoặc môi trường.

- Hoạt động không đúng nội dung, phạm vi, thời hạn của hồ sơ, giấy phép, quyết định hoặc văn bản chấp thuận.

- Tiếp tục hoạt động sau khi đã có quyết định hoặc yêu cầu có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền về việc dừng, chấm dứt hoặc khắc phục.

IV. PHÂN LOẠI SAU RÀ SOÁT

Trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng, hồ sơ pháp lý, quá trình hình thành, hoạt động và ý kiến của cơ quan chuyên môn, từng bến, bãi được lập hồ sơ riêng và phân loại như sau:

1. Nhóm 1 - Cơ bản đáp ứng điều kiện theo quy định

Gồm các trường hợp có vị trí, mục đích sử dụng đất, hồ sơ pháp lý và điều kiện hoạt động cơ bản phù hợp với quy định. Tiếp tục kiểm tra tính đầy đủ, thời hạn, hiệu lực của hồ sơ; hướng dẫn bổ sung thủ tục còn thiếu nếu pháp luật cho phép và yêu cầu duy trì đầy đủ các điều kiện trong quá trình hoạt động.

2. Nhóm 2 - Còn tồn tại, vướng mắc cần rà soát, hoàn thiện hoặc xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền

Gồm các trường hợp có nguồn gốc, quá trình hoạt động hoặc hồ sơ pháp lý cần tiếp tục xác minh; còn thiếu thủ tục; có vướng mắc về quy hoạch, đất đai hoặc điều kiện chuyên ngành cần xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền. Đối với từng trường hợp phải xác định cụ thể nội dung còn thiếu, tồn tại, vướng mắc, cơ quan có thẩm quyền giải quyết, thủ tục cần hoàn thiện và thời hạn đề xuất xử lý.

Việc phân loại vào Nhóm 2 không được hiểu là xác nhận bến, bãi đủ điều kiện hoạt động hoặc cho phép tiếp tục hoạt động khi chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định.

3. Nhóm 3 - Có vi phạm hoặc không đủ cơ sở để tiếp tục hoạt động

Gồm các trường hợp sau khi kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xác định hành vi vi phạm hoặc không đáp ứng điều kiện hoạt động và không có cơ sở xem xét hoàn

thiện theo quy định. Đối với từng trường hợp phải xác định rõ hành vi, thời điểm, chủ thể, căn cứ pháp lý, thẩm quyền, biện pháp xử lý; lập hồ sơ xử lý theo quy định. Trường hợp vượt thẩm quyền, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

4. Nguyên tắc phân loại, xử lý

- Mỗi trường hợp được xem xét độc lập trên cơ sở nguồn gốc đất, quá trình hình thành, hiện trạng, hồ sơ pháp lý và quy định của từng lĩnh vực có liên quan.

- Chỉ xác định hành vi vi phạm sau khi đã kiểm tra, xác minh, thu thập tài liệu và có đủ căn cứ pháp lý; bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

- Trường hợp một bến, bãi có nhiều tồn tại thuộc nhiều lĩnh vực thì xác định riêng từng nội dung, cơ quan chủ trì xử lý và cơ quan phối hợp.

- Ưu tiên ngăn chặn ngay hành vi mới phát sinh có nguy cơ ảnh hưởng an toàn đê điều, thủy lợi, thoát lũ, giao thông, môi trường hoặc trật tự công cộng theo quy định.

V. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Thời gian

- Từ ngày ban hành Kế hoạch đến ngày **15/9/2026**: rà soát tổng thể, kiểm tra thực địa, lập danh mục, thu thập hồ sơ và xác minh hiện trạng, đối chiếu pháp lý, xác định tồn tại, vướng mắc, dấu hiệu vi phạm; hoàn thiện Phiếu rà soát và phân loại từng trường hợp, hoàn thành phương án xử lý đối với từng trường hợp; đối với trường hợp đủ căn cứ, thuộc thẩm quyền và bảo đảm trình tự, thủ tục thì tổ chức xử lý; trường hợp vượt thẩm quyền hoặc chưa đủ cơ sở thì hoàn thiện hồ sơ, báo cáo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

- Sau đợt rà soát tổng thể: duy trì cập nhật hồ sơ quản lý, kiểm tra việc chấp hành và kịp thời phát hiện bến, bãi mới phát sinh.

2. Phương pháp

- Rà soát hồ sơ quản lý nhà nước hiện có và thông tin do tổ dân phố, tổ chức, cá nhân cung cấp.

- Kiểm tra trực tiếp tại hiện trường; lập Phiếu rà soát, Biên bản kiểm tra khi cần thiết;

- Làm việc với tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng đất hoặc hoạt động tại bến, bãi; yêu cầu cung cấp hồ sơ trong thời hạn phù hợp.

- Đối chiếu với hồ sơ địa chính, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và hồ sơ chuyên ngành có liên quan.

- Tổng hợp bằng biểu mẫu thống nhất; mỗi vị trí được cấp mã hồ sơ để theo dõi xuyên suốt.

VI. THÀNH PHẦN VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND phường triển khai Kế hoạch; lập danh sách, tổ chức rà soát, kiểm tra thực địa, quản lý hồ sơ và tổng hợp phân loại.

- Chủ trì các nội dung thuộc lĩnh vực đất đai, xây dựng, môi trường, thủy lợi, đề điều và hạ tầng theo chức năng; phối hợp cơ quan chuyên ngành để xác định căn cứ xử lý.

- Tham mưu UBND phường xử lý theo thẩm quyền hoặc hoàn thiện hồ sơ kiến nghị cấp có thẩm quyền; theo dõi việc thực hiện phương án sau rà soát.

- Tổng hợp kết quả, tham mưu báo cáo UBND thành phố và các sở, ngành theo quy định.

2. Công an phường

- Phối hợp kiểm tra các bến, bãi có hoạt động phương tiện vận tải, bốc xếp hàng hóa.

- Kiểm tra, xử lý các vi phạm thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn giao thông và phòng cháy, chữa cháy theo thẩm quyền.

- Phối hợp xác minh phương tiện, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động bến, bãi khi cần thiết.

3. Phòng Kinh tế

- Phối hợp rà soát hoạt động sản xuất, kinh doanh, tập kết, trung chuyển hàng hóa; xác định loại hình hàng hóa, điều kiện kinh doanh; việc thực hiện nghĩa vụ thuế và các nội dung thuộc chức năng quản lý.

- Phối hợp đề xuất phương án đối với trường hợp có vướng mắc về hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Phối hợp tuyên truyền các quy định pháp luật về quản lý bến, bãi.

- Thông tin, tuyên truyền để tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong quá trình hoạt động.

5. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường

- Phối hợp kiểm tra, ghi nhận hiện trạng.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ vệ sinh môi trường, trật tự đô thị và các nhiệm vụ khác theo phân công của UBND phường.

6. Đề nghị Hạt quản lý đê điều Nam Lạch Tray

- Cử cán bộ phối hợp rà soát, kiểm tra các vị trí liên quan đến đê, bãi sông và phạm vi bảo vệ công trình đê điều; cung cấp thông tin, hồ sơ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp xác định hành vi, mức độ ảnh hưởng đến an toàn đê điều, thoát lũ và đề xuất biện pháp xử lý theo thẩm quyền.

7. Đề nghị Trạm Thủy lợi Kiến An

- Phối hợp kiểm tra, xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; hiện trạng kênh, trục nội đồng và các vị trí có hoạt động bến, bãi liên quan.

- Đánh giá việc tập kết vật liệu, san lấp, xây dựng, mở đường hoặc hoạt động khác có nguy cơ ảnh hưởng đến công trình thủy lợi, khả năng tiêu thoát nước; cung cấp hồ sơ chuyên ngành và kiến nghị biện pháp xử lý theo thẩm quyền.

8. Tổ dân phố

- Phối hợp rà soát, cung cấp thông tin về vị trí, chủ thể, quá trình hình thành và hoạt động của các bến, bãi trên địa bàn; tuyên truyền, vận động chấp hành pháp luật.

- Kịp thời phản ánh trường hợp phát sinh mới, tái hoạt động hoặc có dấu hiệu vi phạm; không tự kết luận hoặc xử lý thay cơ quan có thẩm quyền.

9. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động bến, bãi

Có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan; giải trình các nội dung cần xác minh và thực hiện quyết định, yêu cầu hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỒ SƠ, SẢN PHẨM SAU RÀ SOÁT

- Danh mục tổng hợp toàn bộ bến, bãi và các vị trí thuộc diện rà soát trên địa bàn.
- Phiếu rà soát riêng đối với từng bến, bãi; mã hồ sơ, vị trí/sơ đồ, ảnh hiện trạng.
- Hồ sơ, tài liệu pháp lý thu thập được theo từng lĩnh vực; biên bản kiểm tra, làm việc và tài liệu xác minh.

- Bảng tổng hợp, phân loại 03 nhóm; xác định rõ tồn tại, vướng mắc, dấu hiệu/hành vi vi phạm (nếu có).

- Bảng theo dõi phương án xử lý, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn và kết quả thực hiện.

- Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, rà soát và kiến nghị cấp có thẩm quyền.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các phòng, đơn vị, Công an phường, tổ dân phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai; bảo đảm tiến độ, chất lượng và chịu trách nhiệm về nội dung thuộc lĩnh vực được phân công.

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện bên, bãi mới phát sinh hoặc hành vi có nguy cơ gây mất an toàn, ảnh hưởng đề điều, thủy lợi, thoát lũ, giao thông, môi trường thì kịp thời báo cáo UBND phường để kiểm tra, ngăn chặn và xử lý theo quy định, không chờ kết thúc đợt rà soát.

- Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, đôn đốc, tổng hợp; tham mưu UBND phường giải quyết khó khăn, vướng mắc và báo cáo cấp có thẩm quyền đối với nội dung vượt thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, rà soát hoạt động bên, bãi ven sông, kênh, trục nội đồng trên địa bàn phường Kiến An. UBND phường yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc phường và đề nghị các đơn vị chuyên ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở NNMT thành phố;
- Thường trực Đảng ủy-HĐND phường;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trị phường;
- Các Phòng, ban chuyên môn thuộc UBND phường;
- Công an phường;
- Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường;
- Hạt quản lý Đề điều Nam Lạch Tray;
- Trạm Thủy lợi Kiến An;
- Các tổ dân phố;
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động bên bãi;
- Lưu: VT, XDNNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tùng Lâm